

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày 15 - 3- 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng V Khảm và ông Trần V Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Kiểm sát V1.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; địa chỉ: số 108 đường T, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến S, Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Phúc Yên và ông Vũ V Tr, Trưởng phòng giao dịch Lạc Hồng của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Phúc Yên; địa chỉ: số 04 T, phường Tr, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt ông Tr, vắng mặt ông S.

2. Bị đơn: 2.1. Anh Phạm Quang V, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ dân phố Đoàn 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2.2. Chị Tạ Thị T, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú tại: tổ dân phố Đoàn 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đại Thị D, sinh năm 1968 và ông Phạm Văn V1, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ dân phố Đoàn 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của anh Phạm Quang V thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Phúc Yên (gọi tắt là Ngân hàng Công Thương) cho anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất đồ mộc dân dụng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2023-HĐCVHM/NHCT260/PQV ngày 10/3/2023, hạn mức cho vay:

1.000.000.000đ (một tỷ đồng); thời hạn vay: Theo giấy nhận nợ số 10 ngày 11/01/2023, lãi suất 10%/năm, ngày 11/7/2023 phải trả 350.000.000đ tiền gốc. Giấy nhận nợ số 02 ngày 10/4/2023, lãi suất 10%/năm, ngày 10/10/2023 phải trả 250.000.000đ tiền gốc. Giấy nhận nợ số 01 ngày 15/3/2023, lãi suất 9,5%/năm, ngày 15/9/2023 phải trả 400.000.000đ tiền gốc. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Ngoài ra, Ngân hàng Công thương cấp cho anh V thẻ tín dụng theo giấy đề nghị phát thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/3/2022, hạn mức 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sử dụng tiêu dùng, thời hạn đến hết ngày 31/3/2027.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, anh Phạm Quang V đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số 01/2021/HĐBĐ/NHCT260 - PQV ngày 08/02/2021 đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phạm Quang V và tài sản gắn liền với đất.

Quá trình vay vốn, gia đình anh Phạm Quang V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức và Giấy nhận nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Công Thương xác định, tính đến ngày 15/3/2024, anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T còn nợ Ngân hàng Công Thương 1.133.823.578đ, trong đó gốc 999.730.000đ, lãi cộng dồn: 94.997.431đ, lãi quá hạn: 26.731.923đ, dư nợ thẻ tín dụng: 12.364.224đ. Ngân hàng yêu cầu anh V, chị T trả toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi suất phát sinh của số nợ gốc là 10%/năm kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh V, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Công Thương đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với chi phí xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ tài sản, Ngân hàng Công Thương yêu cầu anh V, chị T phải thanh toán toàn bộ.

Bị đơn anh Phạm Quang V trình bày: Nhất trí với đại diện Ngân hàng Công thương về thời gian, thủ tục vay tiền, thủ tục thế chấp tài sản, số tiền vay, số tiền còn nợ. Quá trình vay vốn, do làm ăn thua lỗ nên anh không thực hiện việc thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Nay, Ngân hàng Công thương khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 1.069.069.665đ cùng lãi suất phát sinh từ ngày 09/10/2023 cho đến khi thanh toán xong, anh đồng ý. Tuy nhiên do chưa có tiền nên đề nghị Ngân hàng cho anh trả theo kỳ hạn: Vào ngày 30/5/2024 anh sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ như kỳ hạn nêu trên thì anh chấp nhận để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Anh từ chối yêu cầu phạt tố.

Bị đơn chị Tạ Thị T trình bày: Chị là vợ anh Phạm Quang V. Khi anh V làm thủ tục vay vốn Ngân hàng Công thương chị có ký vào hồ sơ vay vốn, nhưng chị không được sử dụng tiền, không có công sức trong việc tạo lập tài sản thế chấp nên không có trách nhiệm trả nợ. Việc Ngân hàng Công thương khởi kiện vợ chồng chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị từ chối yêu cầu phạt tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đại Thị D và ông Phạm Văn V1 trình bày: Nhất trí với quan điểm của anh Phạm Quang V. Quá trình vay

vốn, do làm ăn thua lỗ nên anh V không thực hiện việc thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Nay, Ngân hàng Công thương khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh V trả: 1.069.069.665 đồng cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày 09/10/2023 cho đến khi thanh toán xong, bà D đề nghị thời hạn vào ngày 30/5/2024 sẽ thanh toán toàn bộ tiền còn nợ. Ông V1 xác định không được sử dụng tiền nên không có trách nhiệm trả nợ.

Đối với tài sản anh V đã thế chấp để đảm bảo khoản vay là thửa đất số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phạm Quang V và tài sản gắn liền với đất, nguồn gốc do vợ chồng ông bà tạo lập, trường hợp đến ngày 30/5/2024, anh V không thanh toán khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng, ông bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Kiểm sát V1 phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện không đầy đủ quyền và theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T trả Ngân hàng Công Thương 1.133.823.578 đồng, cùng lãi suất phát sinh của số nợ gốc là 10%/năm kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh V, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Anh V, chị T phải chịu chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Công Thương có đơn khởi kiện đối với anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T về tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Bị đơn anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng Công Thương để giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng anh V, chị T, bà D, ông V1 tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội D khởi kiện:

[2.1]. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2023-HĐCVHM/NHCT260/PQV ngày 10/3/2023 ký kết giữa Ngân hàng Công Thương với anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T thì tính đến ngày 15/3/2024,

anh V, chị T nợ Ngân hàng Công Thương 1.133.823.578đ, trong đó gốc 999.730.000đ, lãi cộng dồn: 94.997.431đ, lãi quá hạn: 26.731.923đ, dư nợ thẻ tín dụng: 12.364.224đ.

Ngân hàng yêu cầu anh V, chị T trả toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh 10%/năm của khoản nợ gốc kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh V, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Công Thương được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Bị đơn (anh V), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà D) đề nghị trả theo kỳ hạn: Ngày 30/5/2024 sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Bị đơn (chị T) người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông V1) xác định không được sử dụng tiền nên không có trách nhiệm trả nợ.

Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2023-HĐCVHM/NHCT260/PQV ngày 10/3/2023 ký kết giữa Ngân hàng Công Thương với anh Phạm Quang V là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội. Nội D, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 Bộ luật dân sự; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức. Ngân hàng Công thương đã giải ngân đủ số tiền cho vay 1.000.000.000đ. Chị T xác định do chị không được sử dụng tiền anh V đã vay nên chị không có nghĩa vụ trả nợ; khôi tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay, chị không có công sức tạo lập nên không có ý kiến gì việc xử lý nếu anh V không trả đủ khoản tiền còn nợ. Anh V, bà D xác định do làm ăn thua lỗ nên không trả nợ đúng kỳ hạn. Tính đến ngày 15/3/2024, gia đình anh V còn nợ Ngân hàng Công Thương 1.133.823.578đ, trong đó gốc 999.730.000đ, lãi cộng dồn: 94.997.431đ, lãi quá hạn: 26.731.923đ, dư nợ thẻ tín dụng: 12.364.224đ.

Như vậy, Ngân hàng Công thương đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Gia đình anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Xét hồ sơ vay vốn thấy, ngày 07/3/2023, anh V, chị T đã cùng lập Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay - trả nợ, đồng thời nộp cho Ngân hàng Công thương giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Ngân hàng đã cho anh V, chị T vay số tiền nêu trên bằng Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2023-HĐCVHM/NHCT260/PQV ngày 10/3/2023. Do vậy căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh V, chị T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng Công thương 1.133.823.578đồng, trong đó gốc 999.730.000đ, lãi cộng dồn: 94.997.431đ, lãi quá hạn: 26.731.923đ, dư nợ thẻ tín dụng: 12.364.224đ và lãi phát sinh kể từ ngày 16.3.2024 cho đến khi thanh toán xong. Theo tinh thần của Điều 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng như quan điểm của nguyên đơn thì mức lãi suất phát sinh được tính 10%/năm là phù hợp.

[2.2]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Phạm Quang V và tài sản gắn liền với đất để thu hồi vốn trong trường hợp anh V, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cùng các đương sự, chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan tiến hành xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ tài sản, thể hiện: Thửa đất số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y. Trên đất, đã xây dựng 01 nhà mái bằng $60,8m^2$ + 01 tum diện tích $25m^2$ + $35,8m^2$ khung sắt; $32,7m^2$ sân gạch đỏ + $32,7m^2$ lán khung sắt trước nhà (làm trên phần sân gạch); 01 gian bếp + nhà vệ sinh diện tích $11,9m^2$. Đất có diện tích $113,3m^2$ (tăng $113,3m^2$ - $82m^2$ = $31,3m^2$).

Qua cung cấp của các đương sự và các cơ quan hữu quan thì thửa đất và tài sản trên đất có nguồn gốc của vợ chồng bà Đại Thị D, ông Phạm V V1 tặng cho anh V, hiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng anh V. Đất không thuộc trường hợp bị thu hồi, không lấn chiếm hoặc tranh chấp. Việc chênh lệch diện tích đất có thể do sai số sau mỗi lần đo đạc, cũng có thể khi người được quyền sử dụng đất làm thủ tục đăng ký biến động (chuyển nhượng, tặng cho,...) mà đất không thuộc trường hợp bị thu hồi hoặc tranh chấp và đã từng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ cần xác minh và kiểm tra hiện trạng thửa đất (xác định mốc giới với các hộ giáp ranh) không nhất thiết phải đo đạc lại nên có thể thửa đất trên trước đây đo bằng phương pháp thủ công không chính xác.

Thực tế toàn bộ tài sản trên đất được xây dựng nhà ở và các công trình bao quanh đất; khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác định kiểm tra hiện trạng để chuyển từ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1 sang anh V, các hộ liên kề đã ký xác định mốc giới.

Các đương sự thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên để đảm bảo khoản vay 1.000.000.000đ. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2021/HĐBD/ NHCT260 - PQV ngày 08/02/2021 đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y ký giữa anh V với Ngân hàng Công Thương là tự nguyện, được công chứng tại V phòng công chứng Vĩnh Phúc. Về hình thức, nội D, mục đích, quyền và trách nhiệm của các bên (bên nhận thế chấp, bên thế chấp) phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn về giao dịch đảm bảo nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội D đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp. Trường hợp hộ anh V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền đã vay thì theo quy định tại các Điều 299, 323 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Phạm Quang V phải nộp án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

[4]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 299, 317, 318, 319, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đối với anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T.

Buộc anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền 1.133.823.578đồng, trong đó gốc 999.730.000đ, lãi cộng dồn: 94.997.431đ, lãi quá hạn: 26.731.923đ, dư nợ thẻ tín dụng: 12.364.224đ và lãi suất đối với khoản tiền gốc còn nợ là 10%/năm kể từ ngày 16.3.2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp gia đình anh Phạm Quang V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Công thương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm: thửa số 510, tờ bản đồ 59 tổ dân phố 2 Đoàn, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Phạm Quang V và tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 nhà mái bằng diện tích $60,8m^2$ + 01 tum diện tích $25m^2$ + $35,8m^2$ khung sắt; $32,7m^2$ sân gạch đỏ + $32,7m^2$ lán khung sắt trước nhà (làm trên phần sân gạch); 01 gian bếp + nhà vệ sinh $= 11,9m^2$ để thu hồi nợ (có sơ đồ kèm theo).

2. Anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T trả Ngân hàng Công Thương khoản tiền chi phí tố tụng Ngân hàng Công thương đã nộp tạm ứng là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Phạm Quang V, chị Tạ Thị T phải nộp 46.014.000đ (bốn mươi sáu triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Công thương tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.072.000đ (hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tại biên lai số 0003058 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu